

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU
VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)
MST: 0301307933**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
HỢP NHẤT
QUÝ II NĂM 2021**

**Địa chỉ: 631-633, Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.HCM
ĐT: 38.590.930, 38.559.764**

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		173,671,119,841	189,622,018,788
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	51,281,245,672	88,641,682,822
1. Tiền	111		21,281,245,672	58,151,784,341
2. Các khoản tương đương tiền	112		30,000,000,000	30,489,898,481
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		89,800,000,000	71,700,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	89,800,000,000	71,700,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22,492,773,335	21,844,187,643
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	20,503,519,018	17,696,559,286
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	6,337,441,561	7,781,588,254
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	9,125,367,076	9,839,594,423
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(14,236,387,123)	(14,236,387,123)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		762,832,803	762,832,803
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	9,390,708,813	6,606,750,145
1. Hàng tồn kho	141		9,390,708,813	6,606,750,145
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		706,392,021	829,398,178
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	664,392,021	478,458,837
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	249,721,987
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	42,000,000	101,217,354
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,943,510,521,586	1,934,867,712,212
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,310,000,000	1,310,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	1,310,000,000	1,310,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		85,004,925,282	89,192,181,230
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	84,604,641,113	88,756,925,191
- Nguyên giá	222		190,488,134,731	190,401,289,404
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(105,883,493,618)	(101,644,364,213)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	400,284,169	435,256,039
- Nguyên giá	228		762,230,000	762,230,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(361,945,831)	(326,973,961)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.11	793,780,898,060	810,739,417,809
- Nguyên giá	231		1,244,662,824,046	1,243,156,215,417
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(450,881,925,986)	(432,416,797,608)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		319,845,819,507	317,442,349,491
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	319,845,819,507	317,442,349,491
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		722,816,085,390	694,451,927,044
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	701,070,018,590	672,705,860,244
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2c	21,746,066,800	21,746,066,800
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		20,752,793,347	21,731,836,638
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	16,515,489,476	17,391,183,892
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	4,237,303,871	4,340,652,746
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2,117,181,641,427	2,124,489,731,000

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		789,995,034,658	875,485,216,895
I. Nợ ngắn hạn	310		166,437,980,840	243,194,793,775
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	2,111,680,146	2,272,299,963
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	527,513,545	491,380,526
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	14,254,919,636	11,086,192,528
4. Phải trả người lao động	314	V.17	3,975,869,701	11,980,475,875
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		53,764,272	1,353,992,415
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18a	-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,c	125,260,628,001	198,567,526,255
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	11,660,596,656	9,040,596,656
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.21	8,593,008,883	8,402,329,557
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		623,557,053,818	632,290,423,120
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18b	531,234,621,605	541,081,463,423
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b,c	38,784,018,634	35,093,387,244
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	44,606,774,903	46,948,395,221
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343	V.22	8,931,638,676	9,167,177,232

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,327,186,606,769	1,249,004,514,105
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,327,186,606,769	1,249,004,514,105
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	866,000,000,000	866,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		866,000,000,000	866,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		86,976,785,631	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	377,296,615,708	386,268,227,179
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		294,456,115,991	386,268,227,179
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		82,840,499,717	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	V.23	(3,086,794,570)	(3,263,713,074)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2,117,181,641,427	2,124,489,731,000

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2021



Trần Thị Hạnh
Người lập biểu



Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng



Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	119,533,769,999	95,777,979,571	233,746,194,172	206,698,817,779
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		11,222,208	82,316,066	24,801,654	82,316,066
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		119,522,547,791	95,695,663,505	233,721,392,518	206,616,501,713
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	82,399,189,892	65,682,304,948	161,804,740,933	141,313,504,151
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		37,123,357,899	30,013,358,557	71,916,651,585	65,302,997,562
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1,530,366,284	1,051,390,463	3,278,216,893	2,113,149,221
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1,112,215,389	218,557,300	2,157,182,740	445,564,357
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1,112,215,389	218,557,300	2,157,182,740	445,564,357
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.2b	22,157,205,945	19,835,223,910	47,083,806,238	40,455,782,165
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	3,174,490,060	2,837,960,785	6,280,967,783	5,568,088,880
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	13,609,072,137	13,375,950,478	21,283,396,077	20,441,322,978
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		42,915,152,542	34,467,504,367	92,557,128,116	81,416,952,733
12. Thu nhập khác	31	VI.7	4,078,786	53,419,441	17,335,745	271,002,409
13. Chi phí khác	32		357,956	26,036,394	357,956	73,140
14. Lợi nhuận khác	40		3,720,830	27,383,047	16,977,789	270,929,269
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		42,918,873,372	34,494,887,414	92,574,105,905	81,687,882,002
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	4,903,535,140	4,099,004,260	9,630,257,313	8,854,962,534
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	51,674,437	51,674,437	103,348,875	103,348,875
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		37,963,663,795	30,344,208,717	82,840,499,717	72,729,570,593
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61	V.23	37,869,563,059	30,267,079,448	82,663,581,213	72,587,950,551
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62	V.23	94,100,736	77,129,269	176,918,504	141,620,042
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-	-	-
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2021


Trần Thị Hạnh
Người lập biểu

Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng

Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm nay)	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (Năm trước)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		106,274,105,905	81,687,882,002
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10, V.11, V.22	22,693,700,285	22,441,889,613
- Các khoản dự phòng	03	V.6	-	(200,000,000)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.3	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	V.2b, VI.3, VI.7	(63,966,535,245)	(42,533,324,954)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	2,157,182,740	445,564,357
- Các khoản điều chỉnh khác	07	V.22	(113,845,188)	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		67,044,608,497	61,842,011,018
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(726,441,204)	10,929,079,339
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(2,783,958,667)	2,969,980,135
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(81,643,012,277)	(9,994,024,740)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		689,761,232	860,564,726
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	VI.4	(4,378,391,074)	(445,564,357)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(8,593,130,429)	(11,034,489,274)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.19a, V.21, V.22, V.23a	(13,120,239,151)	(9,020,638,300)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(43,510,803,073)	46,106,918,547
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10, V.11, V.12, VII	(5,210,171,600)	(27,949,688,033)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.3, V.9, V.11, VI.7	-	169,090,909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(41,600,000,000)	(30,200,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23,500,000,000	14,800,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2b, 2c	(1,555,000,000)	(1,775,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.2b, V.5a, VI.3	30,737,157,841	10,418,532,191
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5,871,986,241	(34,537,064,933)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ đầu năm
			đến cuối quý này (Năm nay)	đến cuối quý này (Năm trước)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20b	4,798,678,010	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(4,520,298,328)	(1,015,084,042)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a, V.23a	-	(113,658,433)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		278,379,682	(1,128,742,475)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(37,360,437,150)	10,441,111,139
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	88,641,682,822	27,226,519,028
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	51,281,245,672	37,667,630,167

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2021



Trần Thị Hạnh
Người lập biểu



Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng



Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Từ ngày 01/04/2021 đến 30/06/2021

I ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Chợ Lớn (CHOLIMEX) (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2 Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3 Ngành nghề kinh doanh

Tổng hợp, dịch vụ đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp

4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

II NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1 Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam

2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

IV CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán là: Ngoại tệ x tỷ giá.

2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Tập đoàn được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

3 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ đầu tư

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình, thuê tài chính: Theo nguyên giá và giá trị hao mòn
Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, vô hình, thuê tài chính: Khấu hao đường thẳng

4 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, góp vốn và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát: Theo mệnh giá và chi phí thực tế

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn: Theo mệnh giá và chi phí thực tế

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Theo chi phí thực tế

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

5 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa chi phí đi vay

Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay: chi phí đi vay phát sinh được ghi nhận vào chi phí trong kỳ
Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

6 Nguyên tắc ghi nhận các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước: Theo chi phí thực tế phát sinh, phân bổ theo thời gian sử dụng ước tính

Chi phí khác: Theo chi phí thực tế phát sinh

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Theo đường thẳng

Lợi thế thương mại được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm

7 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:

8 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

9 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hợp đồng xây dựng

10 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

12 Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hoái đoái

13 Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

V HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2,142,178,727	2,318,767,256
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	19,139,066,945	55,833,017,085
Các khoản tương đương tiền (*)	30,000,000,000	30,489,898,481
Cộng	51,281,245,672	88,641,682,822

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng.

2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn	89,800,000,000	71,700,000,000
Tiền cho vay		
Cộng	89,800,000,000	71,700,000,000

2b Đầu tư vào công ty liên kết

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	447,334,554,330	429,875,722,771
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập		

khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	197,072,384,374	185,587,874,698
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức	47,903,936,582	48,719,396,852
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc – Bến Thành	2,364,143,304	2,972,865,923
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	6,395,000,000	5,550,000,000
Cộng	701,070,018,590	672,705,860,244
2c Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cholimex	2,382,866,800	2,382,866,800
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thủy sản Chợ	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đô thị Chợ Lớn ¹	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Logistic Thăng Long	19,363,200,000	19,363,200,000
Cộng	21,746,066,800	21,746,066,800
3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan		496,299,845
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex		496,299,845
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc – Bến Lức		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành		
phải thu:		
- Tiền mua tài sản		
- Tiền dịch vụ và thuế GTGT mua tài sản, dịch vụ		
Phải thu các khách hàng khác	20,503,519,018	17,200,259,441
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cholimex	3,834,485,587	3,834,485,587
Các khách hàng khác	16,669,033,431	13,365,773,854
Cộng	20,503,519,018	17,696,559,286
4 Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vật tư - Xăng dầu (COMECO)		2,201,400,000
Viện Quy hoạch Xây dựng và Kế hoạch Đầu tư		122,547,000
Công ty Cổ Phần TM-DV Công nghệ Môi trường Bách Khoa		4,798,678,010
Công ty TNHH Paldo Vina - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh		
Các nhà cung cấp khác	6,337,441,561	658,963,244
Cộng	6,337,441,561	7,781,588,254
5 Phải thu khác		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về cổ phần hóa		0
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu		3,347,882,226
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	23,000,000	23,000,000
Tạm ứng	321,806,833	276,788,333
Công ty CP ĐT và XD Cholimex	4,696,233,995	4,696,233,995
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4,084,326,248	1,495,689,869
Cộng	9,125,367,076	9,839,594,423
6 Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>

Hàng đi đường	4,659,823,902	3,398,020,948
Nguyên liệu, vật liệu	141,599,169	157,780,197
Công cụ, dụng cụ	274,434,023	174,541,278
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	390,630,139	85,430,913
Thành phẩm	-	6,976,840
Hàng hóa	3,924,221,580	2,783,999,969
Cộng	9,390,708,813	6,606,750,145

7 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	115,889,158,932	57,548,520,332	15,330,984,604	1,632,625,536	190,401,289,404
Mua trong kỳ	-	-	-	-	39,672,727
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	47,172,600	39,672,727	-	-	47,172,600
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	115,936,331,532	57,588,193,059	15,330,984,604	1,632,625,536	190,488,134,731
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	48,130,045,690	44,385,442,658	8,140,046,195	-	101,644,364,213
Khấu hao trong kỳ	2,470,805,331	1,070,032,142	627,542,128	988,829,670	4,239,129,405
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	70,749,804	-
Số cuối kỳ	50,600,851,021	45,455,474,800	8,767,588,323	1,059,579,474	105,883,493,618
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	67,759,113,242	13,163,077,674	7,190,938,409	643,795,866	88,756,925,191
Số cuối kỳ	65,335,480,511	12,132,718,259	6,563,396,281	573,046,062	84,604,641,113

8 Tài sản cố định vô hình

Là chương trình phần mềm máy tính, chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	762,230,000	326,973,961	435,256,039
Tăng trong kỳ	-	34,971,870	-
Giảm trong kỳ	-	-	34,971,870
Số cuối kỳ	762,230,000	361,945,831	400,284,169

9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	324,422,545,835	502,758,292,240	415,975,377,342	1,243,156,215,417
Phát sinh trong kỳ	-	1,420,566,877	86,041,752	1,506,608,629
Số cuối kỳ	324,422,545,835	504,178,859,117	416,061,419,094	1,244,662,824,046
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	35,775,225,174	129,343,254,400	267,298,318,034	432,416,797,608
Phát sinh trong kỳ	-	8,617,556,172	9,847,572,206	18,465,128,378
Số cuối kỳ	35,775,225,174	137,960,810,572	277,145,890,240	450,881,925,986

Giá trị còn lại				
Số đầu năm	288,647,320,661	373,415,037,840	148,677,059,308	810,739,417,809
Số cuối kỳ	288,647,320,661	366,218,048,545	138,915,528,854	793,780,898,060

10 Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả bên liên quan</i>		
Công ty Cổ phần Thực phẩm		
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cholimex		
Các nhà cung cấp khác	2,111,680,146	2,272,299,963
Cộng	2,111,680,146	2,272,299,963

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán

11 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Trần Quang Thái	177,834,024	177,834,024
Công ty TNHH MTV Kỹ nghệ Thực phẩm VIKYFOOD Việt Nam		
Công ty TNHH Chaang Chia Việt Nam		
Các khách hàng khác	349,679,521	313,546,502
Cộng	527,513,545	491,380,526

12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3,387,939,949		853,839,296	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9,975,542,537	42,000,000	8,938,415,653	42,000,000
Thuế thu nhập cá nhân	276,556,194		685,826,864	59,217,354
Thuế tài nguyên	103,393,605		139,179,268	
Tiền thuê đất	65,209,016		21,736,136	
Thuế bảo vệ môi trường	446,278,335		439,916,976	
Các loại thuế khác			7,278,335	
Cộng	14,254,919,636	42,000,000	11,086,192,528	101,217,354

13 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Doanh thu nhận trước tiền cho thuê đất, kho tại KCN Vĩnh Lộc</i>		
	531,234,621,605	541,081,463,423
Cộng	531,234,621,605	541,081,463,423

14 Vay ngắn hạn/dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
14a Vay ngắn hạn	11,660,596,656	9,040,596,656
14b Vay dài hạn		

	44,606,774,903	46,948,395,221
Cộng	56,267,371,559	55,988,991,877
15 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	8,593,008,883	8,402,329,557
16 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	8,931,638,676	9,167,177,232

THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu	233,721,392,518	206,616,501,713
Cộng	233,721,392,518	206,616,501,713

2 Giá vốn hàng bán

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	161,804,740,933	141,313,504,151
Cộng	161,804,740,933	141,313,504,151

3 Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động tài chính	3,278,216,893	2,113,149,221
Cộng	3,278,216,893	2,113,149,221

4 Chi phí tài chính

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí tài chính khác	2,157,182,740	445,564,357
Cộng	2,157,182,740	445,564,357

5 Chi phí bán hàng

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí bán hàng	6,280,967,783	5,568,088,880
Cộng	6,280,967,783	5,568,088,880

6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	21,283,396,077	20,441,322,978
Cộng	21,283,396,077	20,441,322,978

7 Thu nhập khác

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập khác	17,335,745	271,002,409
Cộng	17,335,745	271,002,409

VII THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

VIII NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2021

		
_____ Trần Thị Hạnh Người lập biểu	_____ Võ Văn Đây Kế toán trưởng	_____ Huỳnh An Trung Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021

Phụ lục 01: Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết

Đơn vị tính: VND

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Mua trong kỳ	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Tăng/(Giảm) do xác định lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	Cổ tức được chia trong kỳ	Giảm do công ty liên kết trích lập quỹ và chi khác từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và tăng khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex	429,875,722,771	-	36,263,450,397	-	(16,490,000,000)	(2,314,618,838)	447,334,554,330
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc - Bến Lức	48,719,396,852	-	(815,460,270)	-	-	-	47,903,936,582
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Xuất nhập khẩu Dịch vụ và Đầu tư Tân Bình	185,587,874,698	-	12,954,538,730	-	(7,518,610,000)	6,048,580,946	197,072,384,374
Công ty Cổ phần Dịch vụ Vĩnh Lộc - Bến Thành	2,972,865,923	-	(608,722,619)	-	-	-	2,364,143,304
Công ty Cổ phần Logistics Vĩnh Lộc	5,550,000,000	1,555,000,000	(710,000,000)	-	-	-	6,395,000,000
Cộng	672,705,860,244	1,555,000,000	47,083,806,238	-	(24,008,610,000)	3,733,962,108	701,070,018,590



Trần Thị Hạnh
Người lập biểu



Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng



Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021


Phụ lục 02: Tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Tăng do xác định lại giá trị tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-		-		-
Xây dựng cơ bản dở dang	317,442,349,491	2,403,470,016	-	-	319,845,819,507
<i>Dự án Khu Công nghiệp Vĩnh Lộc mở rộng</i>	<i>139,527,622,465</i>	<i>50,000,000</i>			<i>139,577,622,465</i>
<i>Dự án Khu Dân cư tái định cư Vĩnh Lộc A</i>	<i>64,057,148,723</i>	<i>56,000,000</i>			<i>64,113,148,723</i>
<i>Dự án Cao ốc phức hợp Cholimex, Nguyễn Trãi, Quận 5 TP Hồ Chí Minh</i>	<i>3,310,084,263</i>				<i>3,310,084,263</i>
<i>Khu nhà xưởng cho thuê</i>	<i>214,759,895</i>				<i>214,759,895</i>
<i>Chi phí đền bù khu lưu trú 3,8ha</i>	<i>80,246,700,800</i>				<i>80,246,700,800</i>
<i>Chi phí đền bù, giải phóng đất nông nghiệp</i>	<i>15,017,500,000</i>				<i>15,017,500,000</i>
<i>Đánh giá lại nền Nguyễn Thị Tú</i>	<i>14,121,456,932</i>				<i>14,121,456,932</i>
<i>Hạng mục khác</i>	<i>947,076,413</i>	<i>2,297,470,016</i>			<i>3,244,546,429</i>
Cộng	317,442,349,491	2,403,470,016	-	-	319,845,819,507

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2021


 Trần Thị Hạnh
 Người lập biểu


 Võ Văn Đầy
 Kế toán trưởng


 Huỳnh An Trung
 Tổng Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU VÀ ĐẦU TƯ CHỢ LỚN (CHOLIMEX)

Địa chỉ: 631- 633 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP.Hồ Chí Minh


BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý II năm 2021



Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	866,000,000,000	276,961,659,425	-	(3,548,506,829)	1,139,413,152,596
Lợi nhuận trong năm trước	-	149,189,191,097	-	284,793,755	149,473,984,852
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	(12,438,389,897)	-	-	(12,438,389,897)
Chia cổ tức trong năm trước	-	(17,320,000,000)	-	-	(17,320,000,000)
Giảm khác	-	(21,298,455,439)	-	-	(21,298,455,439)
Tăng do xác định lại giá trị khoản đầu tư vào công ty con tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần	-	12,105,050,000	-	-	12,105,050,000
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong năm trước	-	(930,828,007)	-	-	(930,828,007)
Số dư cuối năm trước	866,000,000,000	386,268,227,179	-	(3,263,713,074)	1,249,004,514,105
Số dư đầu năm nay	866,000,000,000	386,268,227,179	-	(3,263,713,074)	1,249,004,514,105
Lợi nhuận trong kỳ	-	82,663,581,213	-	176,918,504	82,840,499,717
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(86,976,785,631)	86,976,785,631	-	-
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	(8,392,369,161)	-	-	(8,392,369,161)
Tăng khác	-	3,733,962,108	-	-	3,733,962,108
Chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	866,000,000,000	377,296,615,708	86,976,785,631	(3,086,794,570)	1,327,186,606,769


Trần Thị Hạnh
Người lập biểu


Võ Văn Đầy
Kế toán trưởng

Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2021


Huỳnh An Trung
Tổng Giám đốc